

Kỳ hạn	Lãi suất LNH				Trái phiếu		
	VND	D/D	USD	D/D	Kỳ hạn	Lợi suất	D/D
ON	0.67	0.02	0.14	0.02	3Y	0.66	0.004
1W	0.77	0.02	0.18	0.03	5Y	0.77	0.007
2W	0.88	0.02	0.22	0.03	7Y	1.12	0.005
1M	1.16	0.00	0.30	0.03	10Y	2.08	-0.001
2M	1.42	-0.01	0.37	0.04	15Y	2.34	0.008
3M	1.58	0.03	0.48	0.06			
6M	1.83	-0.02	0.78	0.06			
9M	2.43	0.02	1.16	0.11			
1Y	3.06	0.20	1.23	0.10			

Nguồn: Reuters

Giao dịch mua kỳ hạn trên OMO (tỷ đ)

Ngày	Phiên	Kỳ hạn (ngày)	Lãi suất (%)	KL gọi thầu	KL trúng	KL đến hạn	Bom/hút ròng	KL lưu hành
23-11-21	1	91	2.50	5,000	-	-	-	-
22-11-21	1	91	2.50	5,000	-	-	-	-
19-11-21	1	91	2.50	5,000	-	-	-	-

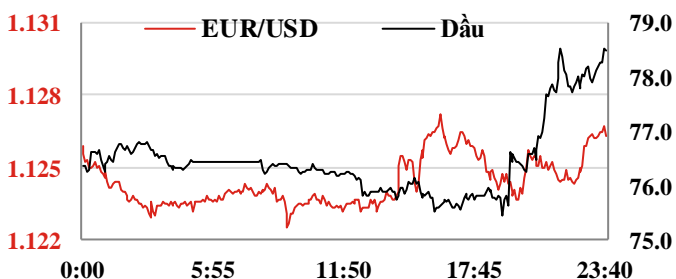
Thị trường TPCP sơ cấp

TCPH	Ngày ĐT	Kỳ hạn	KL gọi thầu	KL trúng thầu	LS trúng thầu
VDB	23-Nov-21	5	500	500	1.12%
VDB	23-Nov-21	7	500	500	1.50%
VDB	23-Nov-21	10	1000	1000	2.35%
VDB	23-Nov-21	15	1000	0	0.00%
Tổng			3000	2000	

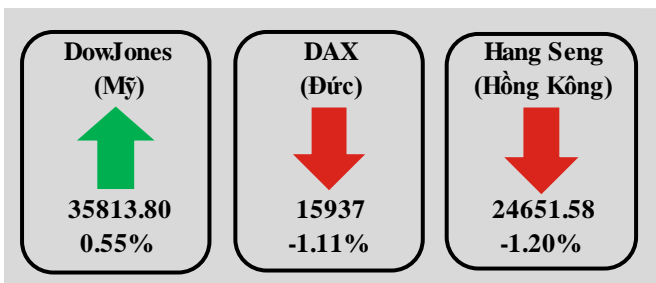
	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1463.63	448.60	113.03
%/ngày	1.13%	0.90%	0.96%
%/31/12/2020	32.59%	120.9%	51.8%
KLGD (tr.đ.v)	880.07	116.67	86.1
GTGD (tỷ đ)	26227.22	3246.77	1812.71
NDINN mua (tỷ đ)	1340.53	14.18	0.83
NDINN bán (tỷ đ)	1114.30	16.64	0.40

Tin trong nước ngày 23/11

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 23/11, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 23.133 VND/USD, tăng mạnh 15 đồng so với phiên đầu tuần. Tỷ giá mua giao ngay được giữ nguyên niêm yết ở mức 22.650 VND/USD. Tỷ giá bán được niêm yết ở mức 23.777 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên ở mức 22.681 VND/USD, tiếp tục tăng 09 đồng so với phiên 22/11. Tỷ giá trên thị trường tự do giữ nguyên ở cả hai chiều mua vào và bán ra, giao dịch tại 23.410 VND/USD và 23.460 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 23/11, lãi suất chào bình quân LNH VND tăng 0,02 đpt ở các kỳ hạn ngắn trong khi đi ngang ở kỳ hạn 1M so với phiên trước đó, cụ thể: ON 0,67%; 1W 0,77%; 2W 0,88 và 1M 1,16%. Lãi suất chào bình quân LNH USD tăng 0,02 – 0,03 đpt ở tất cả các kỳ hạn, giao dịch tại: ON 0,14; 1W 0,18%; 2W 0,22%, 1M 0,30%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp tăng ở hầu hết các kỳ hạn ngoại trừ giảm nhẹ ở kỳ hạn 10Y, cụ thể: 3Y 0,66%; 5Y 0,77%; 7Y 1,12%; 10Y 2,08%; 15Y 2,34%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Phiên hôm qua, NHNN tiếp tục chào thầu 5.000 tỷ đồng trên kênh cầm cố với kỳ hạn 91 ngày, lãi suất ở mức 2,50%. Không có khối lượng trúng thầu, không có khối lượng lưu hành trên kênh này.
- Thị trường trái phiếu:** Ngày 23/11, NHPTVN huy động thành công 2.000/3.000 tỷ đồng TPCP gọi thầu (tỷ lệ trúng thầu 67%). Trong đó: kỳ hạn 5 năm, 7 năm và 10 năm huy động được toàn bộ 2.000 tỷ đồng gọi thầu, kỳ hạn 15 năm đấu thầu thất bại. Lãi suất trúng thầu kỳ hạn 5 năm tại 1,12%/năm; kỳ hạn 7 năm tại 1,50%/năm; kỳ hạn 10 năm tại 2,35%/năm.
- Thị trường chứng khoán:** Thị trường chứng khoán phiên hôm qua diễn biến tích cực khi cả 3 sàn tràn ngập sắc xanh. VN-Index chốt phiên ở mức cao nhất phiên, tăng 16,38 điểm (+1,13%) lên 1.463,63 điểm; HNX-Index cũng chốt ở mức cao nhất phiên, tăng 3,98 điểm (+0,89%) lên 448,6 điểm; UPCoM-Index kết phiên tăng 1,07 điểm (+0,96%) lên 113,03 điểm. Tuy nhiên, thanh khoản thị trường giảm so với phiên trước đó với tổng giá trị giao dịch đạt gần 31.300 tỷ VND. Khối ngoại mua ròng hơn 224 tỷ VND trên cả ba sàn.
- Theo Tổng cục Thuế, thu NSNN tháng 10 năm 2021 do cơ quan Thuế quản lý đạt 121.482 tỷ đồng, tăng khoảng 10% so với tháng 8 và tháng 9; lũy kế 10 tháng năm 2021 đạt 1.028.866 tỷ đồng, bằng 92,1% dự toán. Số thu ngân sách tháng 10 tăng so với tháng 8 và tháng 9 nhờ thu hồi tiền thuế đã hết thời gian gia hạn và tháng 10 là thời hạn thực hiện một số khoản theo quý và theo năm.**



	23 Nov 21	Ngày (%)	Tuần (%)	Đầu năm (%)
USD index	96.49	-0.06%	0.60%	7.29%
USD/CNY	6.39	0.11%	-0.01%	-2.05%
USD/EUR	0.89	-0.11%	0.65%	8.60%
USD/JPY	115.12	0.23%	0.26%	11.51%
USD/KRW	1189.08	-0.08%	0.44%	9.65%
USD/SGD	1.37	0.10%	0.60%	3.34%
USD/TWD	27.78	-0.06%	-0.17%	-1.04%
USD/THB	33.11	0.30%	1.10%	10.22%
USD/VND Trung tâm	23133	0.06%	0.11%	0.01%
USD/VND LNH	22681	0.04%	0.14%	-1.76%
USD/VND tự do	23410	0.00%	0.21%	0.47%
Vàng	1789.73	-0.85%	-3.25%	-5.63%
Dầu	78.50	2.28%	-2.80%	61.79%



Kỳ hạn	LIBOR		SIBOR	
	USD	TĐ	USD	TĐ
ON	0.0725	-0.0030		
SW	0.0775	-0.0003		
1M	0.0920	-0.0004	0.3000	0.0000
2M	0.1423	0.0045		
3M	0.1780	0.0084	0.4364	0.0000
6M	0.2519	0.0080	0.5932	0.0000
1Y	0.4490	0.0234	0.0000	0.0000

Số liệu SIBOR ngày 22/11/2021

Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

NHTW	Đồng tiền	Kỳ trước	Kỳ này	Ngày thay đổi	Cuộc họp tới
Mỹ	USD	1,25%	0,25%	15/03/2020	14/12/2021
Châu Âu	EUR	0,5%	0,00%	10/03/2016	16/12/2021
Anh	GBP	0,25%	0,10%	19/03/2020	16/12/2021
Nhật	JPY	0,10%	-0,10%	28/01/2016	17/12/2021
Australia	AUD	0,25%	0,10%	03/11/2020	07/12/2021

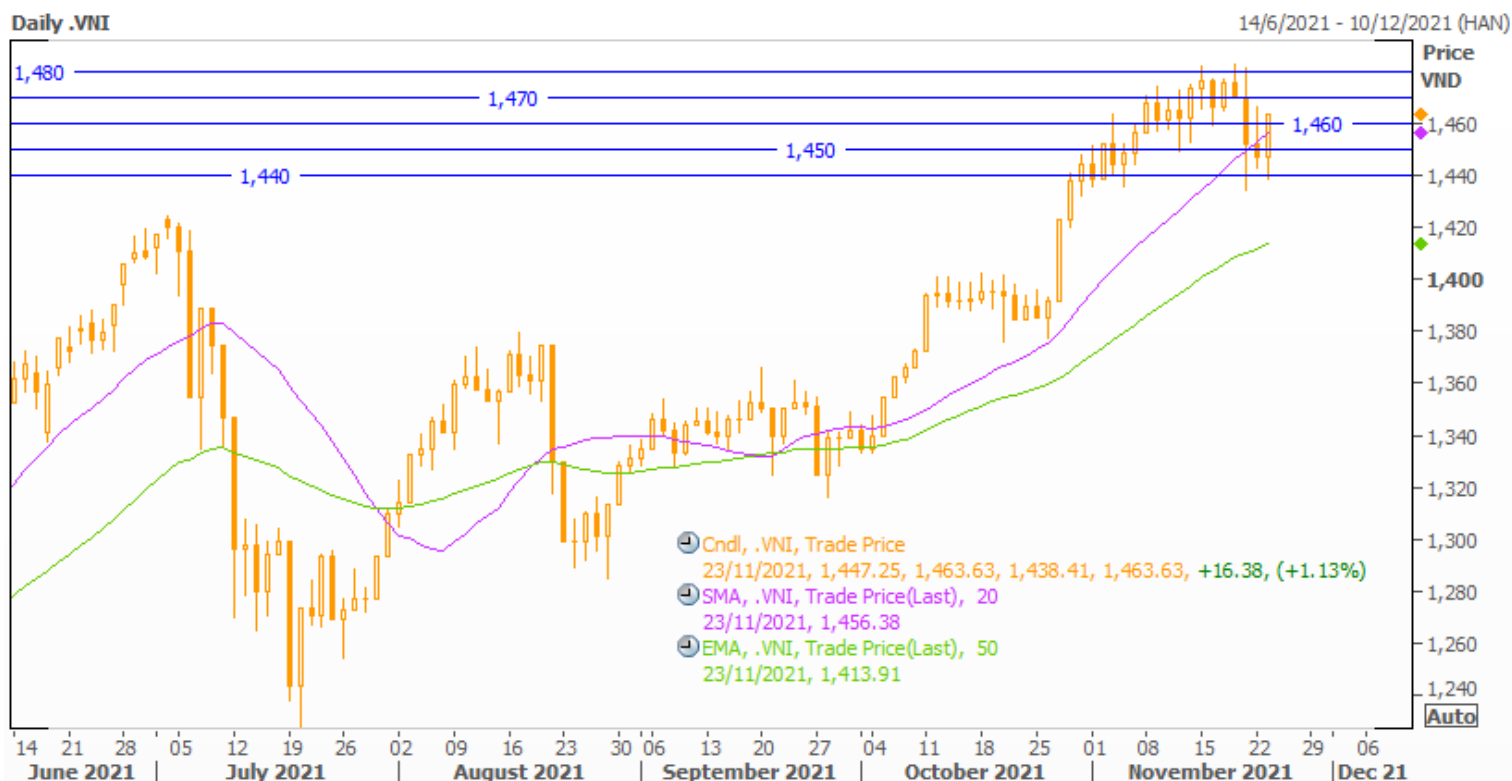
Nguồn: TCTK, NHNN, Hose, HNX, Thomson-Reuters, MSBResearch

Tin quốc tế

- Mỹ đón một số thông tin kinh tế trái chiều.** Đầu tiên, PMI lĩnh vực sản xuất tại nước Mỹ theo IHS Markit ở mức 59,1 điểm trong tháng 11, tăng lên từ mức 58,4 điểm của tháng 10, gần sát với mức 59,3 điểm theo kỳ vọng. Tuy nhiên, ở chiều ngược lại, PMI lĩnh vực dịch vụ tại Mỹ trong tháng 11 chỉ đạt 57,0 điểm, giảm tương đối mạnh từ 58,7 điểm của tháng 10, trái với kỳ vọng tăng lên 59,1 điểm. Kinh tế trưởng của IHS Markit Chris Williamson nhấn mạnh, các hoạt động kinh tế tại Mỹ đang chậm lại khi các công ty chật vật với chi phí sản xuất leo thang và tình trạng thiếu hụt nhân lực. Tuy nhiên, về mặt tích cực, có thể thấy mức tăng trưởng vẫn cao hơn một chút so với thời kỳ trước đại dịch, do các công ty luôn tìm cách cải thiện năng lực để đáp ứng với thị trường.
- Kinh tế Eurozone đón một số thông tin quan trọng.** IHS Markit khảo sát cho biết PMI lĩnh vực sản xuất và lĩnh vực dịch vụ của Eurozone lần lượt ở mức 58,6 và 56,6 điểm trong tháng 11, cùng tăng so với mức 58,3 và 54,6 điểm của tháng 10, trái với dự báo giảm xuống còn 57,5 và 53,6 điểm. Riêng tại nước Đức, PMI lĩnh vực sản xuất ở mức 57,6 điểm trong tháng 11, giảm nhẹ từ mức 57,8 điểm của tháng 10, song vẫn tích cực hơn mức 57,0 điểm theo dự báo. PMI lĩnh vực dịch vụ của Đức tháng này đạt 53,4 điểm, tăng từ 52,4 điểm của tháng 10 và trái với dự báo giảm xuống còn 51,4 điểm. Mặc dù vậy, Markit cho rằng hoạt động tích cực của hai lĩnh vực sản xuất và dịch vụ trong tháng 11 cũng khó ngăn được việc Eurozone tăng trưởng chậm hơn trong quý 4, do sự lây lan của virus sẽ mang lại kết quả tiêu cực ở tháng 12.
- Lĩnh vực sản xuất và dịch vụ tại nước Anh tiếp tục duy trì trạng thái tích cực.** Theo IHS Markit, PMI lĩnh vực sản xuất của nước Anh ở mức 58,2 điểm trong tháng 11, tăng từ 57,8 điểm của tháng 10 và trái với dự báo giảm xuống 57,2 điểm. PMI lĩnh vực dịch vụ trong tháng 11 ghi nhận mức 58,6 điểm, giảm nhẹ từ 59,1 điểm của tháng 10 và tích cực hơn mức 58,2 điểm theo dự báo. Nhìn chung, cả hai lĩnh vực trên cùng cho thấy tốc độ mở rộng được duy trì ở mức cao và khá tương đồng. Theo các chuyên gia từ IHS Markit, các hoạt động kinh tế nước Anh sẽ tiếp tục mở rộng trong tháng 12, mang đến một quý IV vô cùng tích cực, sau khi suy giảm ở quý 3 trước đó.
- Lịch công bố các chỉ số kinh tế:**

Ngày	Giờ VN	Mức độ ảnh hưởng	Chỉ số kinh tế	Kỳ này	Dự báo	Kỳ trước
23-11	15:30	***	PMI sơ bộ lĩnh vực sản xuất Đức T11	57,6	55,6	57,8
23-11	15:30	***	PMI sơ bộ lĩnh vực dịch vụ Đức T11	53,4	51,4	52,4
23-11	16:00	**	PMI sơ bộ lĩnh vực sản xuất Eurozone T11	58,6	57,2	58,3
23-11	16:00	**	PMI sơ bộ lĩnh vực dịch vụ Eurozone T11	56,6	53,6	54,6
23-11	16:30	**	PMI sơ bộ lĩnh vực sản xuất Anh T11	58,2	57,2	57,8
23-11	16:30	**	PMI sơ bộ lĩnh vực dịch vụ Anh T11	58,6	58,2	59,1
23-11	21:45	**	PMI sơ bộ lĩnh vực sản xuất Mỹ T11	59,1	59,2	58,4
23-11	21:45	**	PMI sơ bộ lĩnh vực dịch vụ Mỹ T11	57,0	59,1	58,7
24-11	16:00	**	Nhiệm tin kinh doanh Ifo Đức T11		96,8	97,7
24-11	20:00	***	GDP sơ bộ Mỹ quý 3		2,2	2,0
24-11	20:00	**	Giá trị đơn đặt hàng hàng hóa lâu bền lõi Mỹ mm T10		0,5	0,5
24-11	20:00	**	Giá trị đơn đặt hàng hàng hóa lâu bền toàn phần Mỹ mm T10		0,2	-0,3
24-11	20:00	**	Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu tại Mỹ we		259K	268K
24-11	22:00	***	PCE lõi Mỹ mm T10		0,4	0,2

VN-INDEX



VN-Index tăng tích cực lên mức 1463,63 điểm. VN-Index có thể sẽ tiếp tục hồi phục trong các phiên giao dịch tiếp theo, tiến đến vùng tranh chấp 1.470-1.475 điểm.

Nguỡng hỗ trợ: 1.450 – 1.440

Nguỡng kháng cự: 1.470 – 1.480

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội

ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm

Email: ninhnh1@msb.com.vn

Hoàng Thị Thu Trang - CVCC Phân tích

Email: trangtt5@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CV Phân tích

Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: Research@msb.com.vn